THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC SẢN XUẤT GẮN VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

● **NGUYỄN THANH HIẾU[1] - BÙI THỊ MINH NGUYỆT[2] - NGUYỄN HỮU QUỲNH[3]**

[1]Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên,
Email: nguyenthanhhieu@tuaf.edu.vn

[2]Trường Đại học Lâm nghiệp - Email: minhnguyetfuv@gmail.com

[3]Học viên cao học - Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
- Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT:

Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021 - 2025 tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của tổ chức sản xuất (TCSX) trong phát triển nông nghiệp, nông thôn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỉnh Thái Nguyên đã phát triển đa dạng các mô hình TCSX, bao gồm hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác (THT), doanh nghiệp nông nghiệp, trang trại hộ gia đình và mô hình liên kết chuỗi giá trị. Trong đó, mô hình liên kết chuỗi giá trị tăng trưởng nhanh nhất, đạt tốc độ trung bình 19,79%, góp phần nâng cao thu nhập, phát triển sản phẩm OCOP và hiện đại hóa nông nghiệp. Trang trại hộ gia đình và doanh nghiệp nông nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng trong đa dạng hóa sinh kế và thúc đẩy kinh tế nông thôn. Mặc dù đạt nhiều kết quả tích cực với 94,2% xã đạt chuẩn NTM và 313 sản phẩm OCOP, các hạn chế vẫn tồn tại như quy mô HTX và THT còn nhỏ, năng lực quản trị hạn chế, sự phụ thuộc vào hỗ trợ nhà nước và ảnh hưởng của thiên tai. Nghiên cứu nhấn mạnh cần tăng cường liên kết, ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả TCSX gắn với NTM.

Từ khóa: tổ chức sản xuất, nông thôn mới, hợp tác xã nông nghiệp, chuỗi giá trị nông sản, phát triển kinh tế nông thôn.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh nền nông nghiệp Việt Nam chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ sang phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, việc tổ chức lại sản xuất trở thành yêu cầu cấp bách nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của TCSX trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là trong tiêu chí số 13 về hình thức tổ chức sản xuất. Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tính đến năm 2023, cả nước có 21.500 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó khoảng 65% HTX hoạt động

hiệu quả, đóng góp trực tiếp vào việc nâng cao thu nhập cho nông dân và phát triển các chuỗi giá trị nông sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2023).

Tỉnh Thái Nguyên là trung tâm kinh tế của vùng Trung du miền núi phía Bắc, nơi có nhiều lợi thế về cây chè, chăn nuôi gia cầm, gia súc và các sản phẩm nông nghiệp đặc sản. Đến năm 2023, toàn tỉnh có 160 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm gần 90% tổng số xã; trong đó, tiêu chí 13 về TCSX đóng vai trò then chốt trong duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí (UBND tỉnh Thái Nguyên, 2023). Về tổ chức sản xuất, Tỉnh hiện có hơn 400 hợp tác xã nông nghiệp, 2.300 tổ hợp tác, gần 2.000 trang trại và hàng trăm mô hình liên kết chuỗi giá trị, đặc biệt là chuỗi chè an toàn và chăn nuôi gia cầm. Tuy nhiên, theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên (2023), có khoảng 35 - 40% HTX nông nghiệp hoạt động thực sự hiệu quả, phần lớn còn lại có quy mô nhỏ, năng lực quản trị hạn chế, thiếu vốn và khó tiếp cận thị trường.

Mặc dù số lượng các hình thức TCSX tăng qua các năm, song sự phát triển chưa đồng đều, thiếu bền vững. Nhiều mô hình liên kết chuỗi còn mang tính hình thức, chưa gắn chặt giữa nông dân - HTX - doanh nghiệp; vùng sản xuất hàng hóa còn phân tán, chưa tạo được lợi thế quy mô. Một số sản phẩm chủ lực của tỉnh như chè, gà đồi, lợn bản địa vẫn gặp hạn chế về công nghệ, truy xuất nguồn gốc và đáp ứng tiêu chuẩn thị trường, dẫn đến giá trị gia tăng chưa tương xứng tiềm năng.

Trong giai đoạn Thái Nguyên phấn đấu xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu, việc đánh giá đúng thực trạng các hình thức tổ chức sản xuất là yêu cầu tất yếu để đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế nông thôn và thực hiện bền vững chương trình xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Thái Nguyên.

2. Tổng quan tài liệu

2.1. Khái niệm và vai trò của tổ chức sản xuất trong nông nghiệp

Tổ chức sản xuất trong nông nghiệp được hiểu là quá trình sắp xếp, bố trí và huy động các yếu tố sản xuất như đất đai, lao động, vốn, vật tư và khoa học kỹ thuật nhằm tạo ra sản phẩm nông nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao (Nguyễn Văn Bộ, 2015). Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2018), tổ chức sản xuất không chỉ dừng lại ở các hoạt động sản xuất ban đầu mà còn bao gồm các khâu sau thu hoạch như chế biến, bảo quản, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu, từ đó tham gia sâu vào chuỗi giá trị nông sản. Chính vì vậy, tổ chức sản xuất được xem là yếu tố quyết định trong việc hình thành hệ thống sản xuất nông nghiệp bền vững và có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Nông nghiệp Việt Nam có nhiều đặc thù như phụ thuộc mạnh vào điều kiện tự nhiên, tính mùa vụ cao, quy mô sản xuất nhỏ lẻ và thường xuyên chịu ảnh hưởng của rủi ro thị trường và thiên tai. Do đó, tổ chức sản xuất đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối các nguồn lực, phân công lao động hợp lý và thúc đẩy áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Việc tổ chức sản xuất khoa học giúp nâng cao năng suất, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu vào (FAO, 2013).

Tổ chức sản xuất còn góp phần thúc đẩy liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, từ đó giảm thiểu rủi ro về đầu ra và nâng cao giá trị của sản phẩm nông nghiệp. Khi các khâu trong chuỗi giá trị được liên kết chặt chẽ, sản phẩm nông nghiệp tạo ra có chất lượng ổn định, đáp ứng tiêu chuẩn thị trường và gia tăng khả năng cạnh tranh. Hơn nữa, tổ chức sản xuất hiệu quả giúp nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân, đóng góp trực tiếp vào việc hoàn thành tiêu chí thu nhập và tiêu chí tổ chức sản xuất trong Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương, 2021). Nhìn chung, tổ chức sản xuất là yếu tố then chốt thúc đẩy phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững và đóng vai trò quan trọng trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

2.2. Các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp

Trong nông nghiệp Việt Nam, hình thức tổ

chức sản xuất rất đa dạng và thay đổi theo quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Hộ nông dân vẫn là đơn vị sản xuất cơ bản và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong sản xuất nông nghiệp (Cục Thống kê, 2020). Với quy mô nhỏ, phụ thuộc nhiều vào lao động gia đình và kinh nghiệm truyền thống, hộ nông dân có ưu điểm là tính linh hoạt nhưng lại gặp nhiều hạn chế trong việc tiếp cận công nghệ, vốn và thị trường.

Tổ hợp tác được hình thành nhằm liên kết các hộ nông dân trên cơ sở tự nguyện để hỗ trợ nhau trong sản xuất như cung cấp dịch vụ làm đất, tưới tiêu, giống cây trồng và kỹ thuật (Lê Văn Hòa, 2017). Mặc dù có đóng góp quan trọng trong việc giảm chi phí sản xuất và hỗ trợ nông hộ, tổ hợp tác vẫn hoạt động ở quy mô nhỏ, mang tính tạm thời và thiếu tính pháp lý vững chắc.

Hợp tác xã nông nghiệp là hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến hơn, hoạt động theo Luật Hợp tác xã và có tư cách pháp nhân (Luật HTX, 2012; Luật HTX, 2023). Hợp tác xã đóng vai trò kết nối sản xuất - tiêu thụ, cung ứng vật tư đầu vào, chuyển giao khoa học kỹ thuật và tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng. Nguyễn Mạnh Cường (2021) chỉ ra, HTX là lực lượng nòng cốt trong phát triển kinh tế tập thể và là một trong những trụ cột thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, nhiều HTX vẫn gặp khó khăn về vốn, năng lực quản trị và khả năng liên kết thị trường.

Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất có quy mô lớn hơn, tập trung và chuyên môn hóa, thường đầu tư mạnh vào khoa học kỹ thuật và cơ sở vật chất (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2019). Mô hình này góp phần tạo ra sản phẩm hàng hóa số lượng lớn, chất lượng cao và tạo nhiều việc làm tại nông thôn. Dù vậy, trang trại đòi hỏi vốn đầu tư lớn và dễ gặp rủi ro khi thị trường nông sản biến động.

Doanh nghiệp nông nghiệp được xem là mắt xích quan trọng dẫn dắt chuỗi giá trị, có khả năng đầu tư lớn, liên kết sản xuất và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản (World Bank, 2016). Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn chưa nhiều, chủ yếu do rào cản về đất đai, vốn và rủi ro cao trong sản xuất.

Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị là xu hướng tất yếu của nông nghiệp hiện đại. Mô hình này đảm bảo sự phối hợp giữa các tác nhân như nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp chế biến và hệ thống phân phối, giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm rủi ro và tăng tính bền vững (Porter, 1985; Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2020). Tuy nhiên, việc triển khai chuỗi liên kết ở nhiều địa phương còn gặp khó khăn do thiếu doanh nghiệp đầu tàu và sự thiếu ổn định trong hợp đồng liên kết.

Như vậy, mỗi hình thức tổ chức sản xuất đều có vai trò và ưu điểm riêng, đóng góp vào sự phát triển chung của ngành nông nghiệp. Việc lựa chọn và kết hợp các hình thức phù hợp sẽ quyết định hiệu quả của quá trình sản xuất và khả năng phát triển bền vững của khu vực nông thôn.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập thông tin

3.1.1. Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn chính thức để tổng quan lý luận và thực tiễn về phát triển TCSX gắn với chương trình NTM. Các nguồn bao gồm: Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND tỉnh Thái Nguyên, UBND các xã về sản xuất nông nghiệp, NTM và TCSX; Niên giám thống kê Thái Nguyên; Chính sách, quyết định từ các cơ quan quản lý (Sở Nông nghiệp và Môi trường, Liên minh HTX) về phát triển TCSX và NTM

3.1.2. Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp

Số liệu sơ cấp được thu thập từ các nguồn đa dạng, bao gồm cán bộ chủ chốt, hộ gia đình và đại diện các hình thức TCSX. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng được áp dụng để đảm bảo tính đại diện cho tổng thể, dựa trên quy mô và đặc điểm của các huyện/xã. Các phương pháp cụ thể bao gồm:

- Điều tra khảo sát: Sử dụng bảng hỏi định sẵn để thu thập thông tin từ các đối tượng tại 9 xã/phường thuộc 3 huyện (Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình). Các đối tượng bao gồm: Hộ nông dân,

Trang trại và gia trại, HTX và THT sản xuất nông, lâm nghiệp, Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nông thôn.

3.2. Phương pháp tổng hợp, xử lý và phân tích số liệu, thông tin

- Phân tổ thống kê: Phân tổ thống kê là căn cứ vào một (hay một số) tiêu thức nào đó tiến hành phân chia các đơn vị của hiện tượng nghiên cứu thành các tổ có tính chất khác nhau. Đây là một trong những phương pháp quan trọng của phân tích thống kê, đồng thời là cơ sở để vận dụng các phương pháp phân tích thống kê.

- Thống kê mô tả: Thống kê mô tả được dùng để xử lý, tổng hợp các dữ liệu, thông tin thu thập được từ khảo sát thực tế về phát triển các hình thức TCSX gắn với xây dựng NTM. Sử dụng các chỉ tiêu số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân, tốc độ phát triển, dãy số biến động thời gian, phân tích mức độ và xu thế phát triển của sự vật, hiện tượng.

- Phương pháp so sánh: Phương pháp so sánh được áp dụng trên cơ sở các chỉ tiêu thống kê mô tả, nhằm phân tích, đánh giá sự phát triển của các hình thức TCSX gắn với xây dựng NTM.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Mô hình TCSX chính tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2024, bao gồm HTX nông nghiệp, THT, doanh nghiệp nông nghiệp, mô hình liên kết chuỗi giá trị và trang trại quy mô hộ gia đình. Các mô hình này được thiết kế để đáp ứng tiêu chí số 13 (TCSX và phát triển kinh tế nông thôn) của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, đồng thời hỗ trợ các mục tiêu chiến lược như tăng thu nhập, giảm nghèo và hiện đại hóa nông nghiệp.

4.1. Phát triển hợp tác xã nông nghiệp

Tổng số HTX nông nghiệp của tỉnh Thái Nguyên tăng từ 506 HTX (năm 2021) lên 590 HTX (năm 2024), tổ hợp tác từ 181 tổ lên 207 tổ, doanh nghiệp nông nghiệp từ 45 DN lên 57 DN, mô hình liên kết chuỗi giá trị từ 32 lên 55 và trang trại hộ gia đình từ 210 lên 260. Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm từ 4,58% (tổ hợp tác) đến 19,79% (mô hình liên kết chuỗi giá trị), phản ánh sự phát triển không đồng đều giữa các mô hình. Hầu hết các hợp tác xã hoạt động đều có hiệu quả, các thành viên trong hợp tác xã đã thể hiện rõ hơn vai trò và trách nhiệm thông qua việc góp vốn, sử dụng dịch vụ của hợp tác xã.

4.2. Phát triển doanh nghiệp nông nghiệp

Theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên, đến năm 2024, toàn tỉnh có 57 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Trong đó, có 50 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và các dịch vụ có liên quan, 3 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp và 4 doanh nghiệp khai thác, nuôi trồng thủy sản. Các doanh nghiệp này thu hút hàng nghìn lao động tham gia sản xuất, đóng góp quan trọng vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, để trở thành "bệ phóng" cho các DN thì chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cần phù hợp và sát với tình hình thực tế hơn nữa. Cùng với đó, các DN, HTX cần được tạo điều kiện đơn giản hóa thủ tục cho vay vốn, cả thế chấp và tín chấp; tạo thuận lợi trong việc tích tụ, tập trung ruộng đất để hợp tác sản xuất lớn.

4.3. Phát triển trang trại nông nghiệp

Năm 2024, toàn tỉnh Thái Nguyên có 260 trang trại chăn nuôi, trong đó có 84 trang trại lợn, 155 trang trại gia cầm và 21 trang trại trâu bò, phân bố tương đối đồng đều giữa các địa phương. (Bảng 1)

Về số lượng trang trại tại 3 huyện nghiên cứu cho thấy, tại huyện Đại Từ có 57 điểm chăn nuôi tập trung, với hơn 520 ha tại 28/29 xã, thị trấn. Trong đó, một số địa phương có điều kiện thuận lợi về đất, phù hợp với việc chăn nuôi tập trung quy mô lớn được quy hoạch diện tích lớn, như: Thị trấn Quân Chu 52ha; Tiên Hội 54ha; La Bằng 50ha,... Huyện Phú Bình là địa phương có số lượng trang trại chăn nuôi lớn nhất trong 3 địa bàn nghiên cứu với trên 40 trang trại chăn nuôi, gia cầm 24 trang trại, 11 trang trại chăn nuôi lợn. Hầu hết các trang trại, gia trại đều sử dụng thức ăn chăn nuôi công nghiệp. Huyện Đồng Hỷ hiện có 37 trang trại đạt tiêu chí theo quy định tại Thông

Bảng 1. Tình hình phát triển kinh tế trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2024

Chỉ tiêu	Tổng	Lợn	Gia cầm	Trâu bò
Toàn tỉnh	260	84	155	21
Huyện Đồng Hỷ	37	13	16	8
Huyện Phú Bình	40	11	24	6
Huyện Đại Từ	20	13	7	0
TP Thái Nguyên	19	2	17	0
Huyện Phú Lương	54	19	32	3
Huyện Định Hóa	5	2	2	1
Huyện Võ Nhai	15	4	9	2
TP Sông Công	43	6	37	0
TP Phổ Yên	26	14	11	1

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên, 2024

tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định tiêu chí kinh tế trang trại, trong đó có 13 trang trại chăn nuôi lợn, 16 trang trại chăn nuôi gà, 8 trang trại chăn nuôi trâu, bò.

Mặc dù, kinh tế trang trại được xác định là mũi nhọn trong phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, góp phần đắc lực vào công cuộc xây dựng nông thôn mới, song thực tiễn cho thấy, việc phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh vẫn còn những khó khăn, do số lượng trang trại còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; quy mô nhỏ, không đều giữa các loại hình (trang trại lâm nghiệp, trồng trọt chiếm tỉ lệ nhỏ); số trang trại tham gia liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị chưa nhiều nên đầu ra cho sản phẩm chưa ổn định.

4.4. Phát triển các hình thức liên kết kinh tế

Hình thức tổ chức sản xuất thứ 4 là Mô hình liên kết chuỗi giá trị ghi nhận tốc độ tăng trưởng trung bình cao nhất, đạt 19,79%, với số lượng chuỗi tăng từ 32 chuỗi (năm 2021) lên 55 chuỗi (năm 2024). Các chuỗi này tập trung vào các sản phẩm chủ lực như chè, gà đồi, lúa hữu cơ và miến dong, với các ví dụ điển hình như chuỗi chè Đại Từ (xuất khẩu sang EU và Nhật Bản) và chuỗi gà đồi Phú Bình (cung cấp cho các siêu thị). Theo Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên (2024), các chuỗi này liên kết 352 ha trồng trọt và 15.850 con gia súc/gia cầm, mang lại thu nhập bình quân từ chè đạt 60 triệu đồng/ha vào năm 2024.

Cuối cùng là Trang trại quy mô hộ gia đình, với số lượng tăng từ 210 (năm 2021) lên 260 (năm 2024) và tốc độ tăng trưởng trung bình 7,38%, đóng vai trò quan trọng trong việc đa dạng hóa sinh kế và phát triển du lịch nông thôn. Các trang trại tập trung vào chăn nuôi, trồng trọt và kết hợp du lịch, như trang trại ngựa bạch Dương Thành (Phú Bình, OCOP 4 sao) và trang trại chè Tân Cương. Mô hình này không chỉ đáp ứng tiêu chí số 13 mà còn thu hút khách tham quan, thúc đẩy tích tụ ruộng đất và quảng bá văn hóa dân tộc Tày, Nùng thông qua các mô hình homestay tại Tân Cương và La Bằng. Theo Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên (2024), các trang trại tại Phú Bình và Phổ Yên đã ứng dụng công nghệ cao, giúp tăng năng suất và giá trị sản phẩm, góp phần vào sự phát triển của du lịch nông thôn và kinh tế nông thôn bền vững.

5. Kết luận

Nhìn chung, các mô hình tổ chức sản xuất tại Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2024 đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng NTM, với 94,2% xã đạt chuẩn NTM, 313 sản phẩm OCOP và thu nhập bình quân 6 triệu đồng/tháng cho thành viên HTX. Với vị trí địa lý thuận lợi, tiềm năng nông sản chủ lực và sự tích hợp công nghệ cao, chuyển đổi số, cùng với du lịch nông thôn, Thái Nguyên có cơ hội lớn để tiếp tục dẫn đầu trong xây dựng NTM, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 và xa hơn.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, các mô hình tổ chức sản xuất tại Thái Nguyên vẫn đối mặt với một số hạn chế. Thứ nhất, số liệu về doanh nghiệp nông nghiệp và trang trại hộ gia đình chưa đầy đủ, phải ước tính dựa trên xu hướng đầu tư, làm giảm độ chính xác của phân tích. Doanh nghiệp nông nghiệp chỉ ghi nhận 57 đơn vị vào năm 2024, nhưng Báo cáo SNN 2024 không cung cấp thông tin chi tiết về quy mô và hiệu quả hoạt động. Thứ hai, mô hình tổ hợp tác tại các vùng miền núi như Võ Nhai và Định Hóa phát triển chậm, với tốc độ tăng trưởng chỉ 4,56%, do hạn chế về năng lực quản trị và hạ tầng. Chỉ 13,4% mô hình kinh tế tập thể là tổ hợp tác, cho thấy quy mô nhỏ và thiếu sự gắn kết với thị trường lớn. Thứ ba, một số HTX hoạt động chưa hiệu quả, đặc biệt trong khâu quản trị và ứng dụng chuyển đổi số. Mặc dù có 42 HTX ứng dụng công nghệ cao, theo Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên (2024) chỉ ra, nhiều HTX vẫn phụ thuộc vào hỗ trợ của Nhà nước và thiếu chiến lược dài hạn để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Cuối cùng, do thiên tai, như cơn bão Yagi năm 2024, đã gây thiệt hại đáng kể cho sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến 352 ha trồng trọt và 15.850 con gia súc/gia cầm, làm chậm tiến độ xây dựng NTM tại một số địa phương (Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên, 2024) ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2018). Báo cáo thường niên ngành nông nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2019). Phát triển kinh tế trang trại trong giai đoạn mới.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2020). Tài liệu hướng dẫn phát triển chuỗi giá trị nông sản.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2023). Báo cáo tổng kết ngành nông nghiệp năm 2023.

Lê Văn Hòa (2017). Tổ hợp tác và vai trò trong phát triển nông nghiệp. Tạp chí Kinh tế và Phát triển.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012). Luật Hợp tác xã năm 2012.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2023). Luật Hợp tác xã năm 2023.

Nguyễn Mạnh Cường (2021). HTX và vai trò trong xây dựng nông thôn mới. NXB Lao động, Hà Nội.

Nguyễn Văn Bộ (2015). Khoa học đất và tổ chức sản xuất nông nghiệp. Truy cập tại https://nongthonvaphattrien.vn/ts-nguyen-van-bo-phat-trien-nong-nghiep-ung-dung-cong-nghe-cao-can-cach-tiep-can-moi-a905.html.

Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thái Nguyên (2023). Báo cáo phát triển kinh tế tập thể và liên kết chuỗi giá trị.

Cục Thống kê (2020). Niên giám thống kê.

Cục Thống kê (2023). Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023.

UBND tỉnh Thái Nguyên (2023). Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2023.

Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương (2021). Báo cáo kết quả 10 năm xây dựng nông thôn mới.

Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương (2022-2023). Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia nông thôn mới.

FAO (2013). Agricultural value chain development: A guide. Rome: Food and Agriculture Organization of the United Nations. Available at https://www.fao.org/4/i3300e/i3300e.pdf.

Porter M. E. (1985). Competitive advantage: Creating and sustaining superior performance. New York: Free Press.

World Bank (2016). Transforming Vietnamese agriculture: Gaining more from less (Vietnam Development Report 2016). Washington, D.C.: The World Bank. Available at https://doi.org/10.1596/24375.

Ngày nhận bài: 9/9/2025
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/9/2025
Ngày chấp nhận đăng bài: 12/10/2025

CURRENT DEVELOPMENT OF PRODUCTION ORGANIZATION MODELS ASSOCIATED WITH THE NEW RURAL DEVELOPMENT PROGRAM IN THAI NGUYEN PROVINCE

● **NGUYEN THANH HIEU**[1]
● **BUI THI MINH NGUYET**[2]
● **NGUYEN HUU QUYNH**[3]
[1]University of Agriculture and Forestry - Thai Nguyen University
[2]Vietnam National Forestry University
[3]Master's student, Faculty of Economics and Business Administration, Vietnam National University of Forestry

ABSTRACT:

This study examines the role of production organizations in implementing the National Target Program on New Rural Development for the 2021–2025 period in Thai Nguyen province. Research findings show that the province has developed a diverse range production organization models, including cooperatives, cooperative groups, agricultural enterprises, household farms, and value chain linkage models. Among these, value chain linkages demonstrate the strongest growth, with an average annual increase of 19.79%, contributing significantly to income improvement, OCOP product development, and agricultural modernization. Household farms and agricultural enterprises also play an important role in livelihood diversification and rural economic development. Despite notable achievements-such as 94.2% of communes meeting the National Target Program on New Rural Development's standards and 313 OCOP products, limitations persist, including small-scale operations, weak management capacity, reliance on state support, and vulnerability to natural disasters. The study highlights the need to strengthen production linkages, expand high-tech applications, and accelerate digital transformation to enhance production organization models effectiveness and sustain the National Target Program on New Rural Development's outcomes.

Keywords: production organization, new rural areas, agricultural cooperatives, agricultural value chain, rural economic development.